

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/11/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+RC5+RP1	7:25	7+11+4	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
2		RP1 +BK8+VSP02	7:25	2+20	0+0		1+21	0+0	
3		AMD+TD1	7:25	3+18	0+0		0+22	0+0	
4		RC8+RP3	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
5		RCDM+C10	9:25	6+16	0+0		4+18	0+0	
6		RP1 BK8+RP1	9:25	0+19	0+0		0+22	0+0	cho tp cho bk8
7		RP2+RC4+RC6	11:25	6+6+4	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
8		RP3+MRM	11:25	20+0	0+0		15+7	0+0	
9		RP1+RC5	11:25	11+10	0+0		10+12	0+0	
10		VSP02+RCDM+RC8	13:25	18+3+0	0+0+0		16+3+3	0+0+0	

TTDDSX

1/ Đi về trong ngày RCdm-2ng, MRM-7ng, RC5-7ng, RC8-3ng, VSP02-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: MRM - RC5 - RP1	CREW: VTHĂNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4654	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN AN BÌNH	MRM						69	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TÙNG	MRM	02	1	3			53	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LONG	MRM	01	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC THỌ	MRM	03	1	2			76	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ TRƯỜNG NAM	MRM						64	KHOAN	Vietnamese
6	SALIKHOV A.I.	MRM						83	KHOAN	Russian
7	PHẠM HẢI KIẾN	RC5	15	1	2			75	KHI	Vietnamese
8	VŨ VĂN TOÀN	RC5	10	1	3			73	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG THĂNG	RC5						76	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO THANH HỢP	RC5	06	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NOVIKOV A	RC5	09	1	4			100	ANTOAN	Russian
12	PHAN NGỌC QUYẾT	RC5	02	1	3	3	60	70	NIPI	Vietnamese
13	NHÂM ĐIỆN BIÊN	RC5	01	1	3			69	NIPI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN BÌNH	RC5	08	1	7			76	BA SON	Vietnamese
15	PHAN QUANG VŨ	RC5	11	1	16			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÂN	RC5	03-04	2	12			79	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG TUẤN ANH	RC5	07	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HUY	RC5	05	1	12			86	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ THANH TÙNG	RP1	18	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TÙNG	RP1	19	1	5	2	30	62	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN TUẤN ANH	RP1	16	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN BẢO TRUNG	RP1	17	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	6	410	3	8	0	0	0		
2	RC5	12	914	12	77	3	60	14		
3	RP1	4	253	4	22	2	30	8		
TOTAL		22	1.577	19	107	5	90	22		
WEIGHT KG			1.577		107		90			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGÔ VĂN THĂNG
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P7 - BK14 - VSP02	CREW: NAM - LINH - THÀNH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4650	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ NGỌC HAI	P7	87	1	6	2	25	95	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN KIM THANH	P7	86	1	6			79	NIP1	Vietnamese
3	MAI VĂN TOÀN	P7	85	1	8			57	PSV	Vietnamese
4	DUCHENKO A.L	VSP02	61	1	4	1	7	135	KH-THAC	Russian
5	SERGIENKO S.E	VSP02	58	1	8			84	KH-THAC	Russian
6	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	67	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG TRUNG VIỆT	VSP02						81	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ TẤN LINH	VSP02	62	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH HAI	VSP02	64-65	2	11			97	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	66	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	63	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN MINH DUY	VSP02						81	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THỊ NGAN ANH	VSP02						47	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN LINH	VSP02	05	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DỰ	VSP02	04	1	13			73	YTE	Vietnamese
16	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	02	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	VSP02	03	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	59-60	2	18			52	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM DUY QUANG	VSP02						70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MINH CƯỜNG	VSP02	06	1	2			84	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	01	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
22	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	800	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	3	231	3	20	2	25	1		
2	BK14	0	0	0	0	0	0	1		
3	VSP02	19	1.413	17	113	1	7	20		
TOTAL		22	1.644	20	133	3	32	22		
WEIGHT KG			1.644		133		32			

GRAND TOAL: 1.809 KGS.

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: AMD - TD1	CREW: DƯƠNG - TTRUNG - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4658	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	CHU VĂN HAO	AMD	83	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC KHANH	AMD	85	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VIỆT BÌNH	AMD	84	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	58	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN NAM	TD1	51	1	18			83	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ QUỐC BAO	TD1	60	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
7	MAI VĂN HỘI*	TD1						78	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG ANH TUAN	TD1	52	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SANG	TD1	67	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN PHU	TD1	59	1	4			86	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY LONG*	TD1	63-64	2	10			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN XUÂN	TD1	55-56	2	7			71	DK9	Vietnamese
13	MAI ANH TUAN	TD1	66	1	13			73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	54	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	65	1	6			96	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	61	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ VĂN THIỆN	TD1	69	1	14			62	KHOAN	Vietnamese
18	BUI TRUNG HIEU	TD1	62	1	10			89	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN NGỌC	TD1						74	PSV	Vietnamese
20	TRIỆU MINH HỒNG	TD1	57	1	3			67	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG HUY	TD1	53	1	6	5	90	55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	3	223	3	17	0	0	0		
2	TD1	18	1.319	18	120	5	90	22		
TOTAL		21	1.542	21	137	5	90	22		
WEIGHT KG			1.542		137		90			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

[Signature]
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

[Signature]
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

[Signature]
BUI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: TRANG-2	TO: RC8 - RP3	CREW: NAM - LINH - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4651	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KUSHENKO N.V	RC8	06	1	5			76	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN NGOC ANH TUAN	RC8						72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHONG	RC8						65	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH SANG	RC8	03	1	7	2	40	82	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU TIEN BINH	RC8	02-03	2	10	1	14	62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOAI THANH	RP3	28	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BAO TOAN	RP3	33	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO QUANG TÔ	RP3	31	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ TÂN CHÂU	RP3	44	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG CHUONG	RP3	34	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
11	HA VAN NIN	RP3	38	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HUNG	RP3	42	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
13	KHARITONOV YURY	RP3	29	1	6			78	KHI	Russian
14	PHẠM MINH TOAN	RP3	40-41	2	13			57	YTE	Vietnamese
15	MẠ ANH TIT	RP3	43	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CONG SOAI	RP3	32	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC SƠN	RP3	45	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	30	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUY HẢI	RP3	37	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TRỌNG THỨC	RP3	35-36	2	16			73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUU HOANG VINH	RP3	67	1	7			56	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ QUỐC THÔNG	RP3	39	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC8	5	357	4	22	3	54	0		
2	RP3	17	1.203	19	136	0	0	22		
TOTAL		22	1.560	23	158	3	54	22		
WEIGHT KG			1.560		158		54			

GRAND TOTAL: 1.772 KGS

VSP REP.

[Signature]
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

[Signature]
NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

[Signature]
TRẦN HỒNG NAM
NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:RCDM - CLO	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - TÚ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4655	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ QUANG CHUNG	RCDM						82	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THÀNH TRUNG	RCDM						60	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHI BAO	RCDM						78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG TIN	RCDM	95	1	11			88	KH-THAC	Vietnamese
5	TU TUẤN TU	RCDM	96	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ QUANG HUNG	RCDM	94	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
7	VOROBYEV SERGEY	CLO	78	1	5	4	65	102	KHOAN	Russian
8	DATSKO PAVEL	CLO	79	1	9			122	KHOAN	Russian
9	LE MẠNH THẮNG	CLO	73	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	72	1	11			74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	66	1	8			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	75	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH BÌNH	CLO	74	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN HỮU SƠN	CLO	70	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG MINH PHÚC	CLO	76	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	68	1	6			75	ANTOAN	Vietnamese
17	TRẦN BUI QUANG	CLO	69	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
18	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	77	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
19	QUÁCH THẾ ANH	CLO	80	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
20	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	71	1	10			63	DVL	Vietnamese
21	LÊ VĂN HUNG	CLO	67	1	8			63	PSV	Vietnamese
22	ĐỖ HOANG PHÚC	CLO	65	1	7			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RCDM	6	474	3	26	0	0	4		
2	CLO	16	1.219	16	116	4	65	18		
TOTAL		22	1.693	19	142	4	65	22		
WEIGHT KG			1.693		142		65			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG

có 2 pax (80'5, 11) mang pin, see details



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: P5 - RP1	CREW: DUONG - TTRUNG - HIEU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/4659	

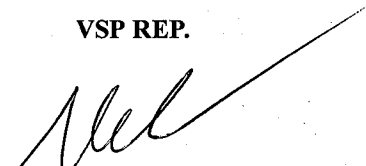
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LE QUANG TUAN	P5	38	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DUC TOAN	P5	40	1	6	1	20	81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DINH MANH	P5	39	1	2			61	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG VU NHAT VINH	RP1	90	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA DUY	RP1	99	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRI KHANH	RP1	4000	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUY NGOC	RP1	96	1	11			72	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐO VAN THANH	RP1	98	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH MINH TRI	RP1	92	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM BA HOANG	RP1	86	1	10	1	13	71	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI QUANG HOAN	RP1	88-89	2	9			100	YTE	Vietnamese
12	HA TAN DUNG	RP1	82	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
13	TANG THANH DAN	RP1	91	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
14	VU THANG	RP1	81	1	14	3	14	94	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET HUNG	RP1	93	1	4	2	40	68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN LOI	RP1	83-84	2	13			63	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN DONG	RP1	94	1	2			71	KH-THAC	Vietnamese
18	VU DINH DAI	RP1	95	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CHI CONG	RP1	97	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN LE MINH QUANG	RP1	85	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TUAN TU	RP1	28,900	2	9			83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

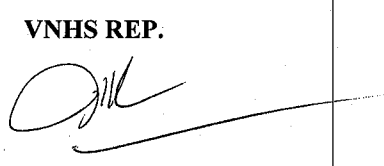
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	3	227	3	14	1	20	0		
2	RP1	18	1.287	21	138	6	67	22		
TOTAL		21	1.514	24	152	7	87	22		
WEIGHT KG			1.514		152		87			

GRAND TOTAL: 1.753 KGS

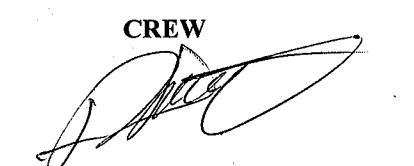
VSP REP.


NGUYEN THUC HA

VNHS REP.


VU THI ANH

CREW


BUI HOANG DUONG
NGUYEN THANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO:RP2 - RC4 - RC6	CREW: XHOÀN - NPHÚ - TOAN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/4656	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN QUỐC KHANH	RP2						83	KH-THAC	Vietnamese
2	МИРСАЯПОВ P.P.	RP2	44	1	4			107	KH-THAC	Russian
3	ĐAO TRUNG KIEN	RP2	45	1	3	1	15	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HIỆU	RP2	46	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ XUÂN THĂNG	RP2						72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH QUANG	RP2	43	1	8			69	VIỆT PHÁT	Vietnamese
7	TRẦN MINH THI	RC4	88	1	9			109	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG DŨNG	RC4	87	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ THANH TU	RC4	89	1	5	2	30	71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	92-93	2	11			75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN KIM THẠCH	RC4	90-91	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN CAO MONG	RC4	86	1	6			58	PSV	Vietnamese
13	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	12	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI QUỐC VIỆT *	RC6	10-11	2	9			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LẠ	RC6				3	55	65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC NHẬN	RC6	13	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN Y	RC6	08	1	5	1	17	67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	6	460	4	19	1	15	0		
2	RC4	6	448	8	45	2	30	8		
3	RC6	5	352	5	34	4	72	14		
TOTAL		17	1.260	17	98	7	117	22		
WEIGHT KG			1.260		98		117			

GRAND TOAL: 1.475 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YÊN

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:RP3 - MRM	CREW: HÙNG - N.CƯƠNG - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/4652	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	72	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	73	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
3	HUỖNH TÂN NGỒN	RP3	79	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
4	CAO ĐỨC THANH	RP3	69	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	83	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RP3	90	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	88	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI SỸ CÔNG	RP3	81	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH QUANG THANH	RP3	86	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NAM TRUNG	RP3	68	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	71	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	78	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN MẠNH QUANG	RP3	89	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HOÀ	RP3	80	1	5			92	NIPI	Vietnamese
15	LÊ VĂN LỘC	RP3	91-92	2	14			57	T-TIN	Vietnamese
16	PHAN VĂN LÊ	RP3	93-95	3	22			67	T-TIN	Vietnamese
17	HOÀNG ĐÌNH CHIẾN	RP3	70	1	5			65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	RP3	82	1	3			78	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN LONG	RP3	84	1	3			71	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN TUẤN ANH	RP3	85	1	6			62	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HIỆU	RP3	87	1	4			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.430	24	124	0	0	15		
2	MRM	0	0	0	0	1	9	7		
TOTAL		21	1.430	24	124	1	9	22		
WEIGHT KG			1.430		124		9			

GRAND TOAL: 1.563 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
B.CARD: TIM-3	TO: RP1 - RC5	CREW: VIỆT - SON - DTÙNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/4660	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN THẾ LONG	RP1	42-44	3	19	1	12	66	XAYLAP	Vietnamese
2	PHÙNG VĂN CUÔNG	RP1	39	1	10	1	15	74	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN VINH	RP1	40	1	18			72	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐINH DỤC VƯƠNG	RP1	35	1	10			72	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN HỒNG THANH	RP1	33	1	11	1	16	74	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ QUỐC VINH	RP1	46	1	5			69	PSV	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HÙNG	RP1	36	1	8			69	PSV	Vietnamese
8	HOANG VĂN TRỌNG	RP1	38	1	7			99	PSV	Vietnamese
9	LÊ VĂN QUY	RP1	31	1	9			73	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	37	1	4			72	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	RP1	32	1	7			69	PSV	Vietnamese
12	PHAN XUÂN THANH*	RC5	30	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN HẠNH	RC5	31	1	12			79	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HAI LONG	RC5	32	1	16	2	11	76	DVL	Vietnamese
15	KIEU MINH QUYẾT	RC5	24	1	4			62	PSV	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH QUANG	RC5	25	1	6			59	PSV	Vietnamese
17	PHAN LÊ MINH TOÀN	RC5	28	1	8			84	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN MINH	RC5	29	1	7	2	35	61	BA SON	Vietnamese
19	ĐÀO VĂN TUÂN	RC5	26-27	2	8	2	30	70	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	11	809	13	108	3	43	10		
2	RC5	8	560	9	72	6	76	12		
TOTAL		19	1.369	22	180	9	119	22		
WEIGHT KG			1.369		180		119			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: TRẮNG-4	TO: VSP02 - RCDM - RC8	CREW: HÙNG - N.CƯỜNG - QTRƯỜNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4653	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	51	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
2	DANG NGOC CUONG	VSP02	44	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỮU TRI	VSP02						69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	42	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
5	LŨ SƠN	VSP02	43	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
6	LUƠNG HOANG ĐẠT	VSP02	52-53	2	12			71	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	45	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	41	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUY BINH	VSP02	46	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
10	DO QUOC TRINH	VSP02	55	1	6	2	12	67	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ THAI SƠN	VSP02	50	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
12	HA MẠNH THẮNG	VSP02	48	1	4			52	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	54	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	47	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGUYỄN KINH CHAU	VSP02	40	1	6			69	VIỆT PHÁT	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02						79	PSV	Vietnamese
17	VŨ VĂN CHUYỀN	VSP02	56	1	8			68	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TÍN	VSP02	49	1	8			57	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HÙNG*	RCDM	37	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUẤN	RCDM	38	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ TRỌNG BẰNG	RCDM	35-36	2	12			75	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TẤT TÂM	RC8	50	1	4			51	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	18	1.242	17	107	2	12	15		
2	RCDM	3	220	4	27	0	0	4		
3	RC8	1	51	1	4	0	0	3		
TOTAL		22	1.513	22	138	2	12	22		
WEIGHT KG			1.513		138		12			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
PHAN NHƯ CƯỜNG